

Bản án số: 10/2018/DS-ST

Ngày: 02-02-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tất Linh- UVUBTV Hội Nông dân CL, tỉnh Bến Tre;
2. Ông Nguyễn Văn Tùng - Phó Bí thư thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2017/TLST - DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: ấp LB, xã PS, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1966;

Nơi cư trú: ấp LT, xã PS, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

(Bà T có mặt; bà T, ông T có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

Ngày 27/4/2017, bà T có đến nhà bà mua cây mít ghép: số lượng 1.270 cây với giá tiền như sau: 800 cây với giá 21.000đồng/cây, 100 cây với giá 26.000đồng/cây, 370 cây với giá 24.000đồng/cây, tổng số tiền bà T phải trả cho bà T là 29.390.000đồng. Hai ngày sau bà T có trả cho bà số tiền là 10.000.000đồng còn nợ lại số tiền là 19.390.000đồng bà T hẹn một tuần sau sẽ trả. Nhưng cho đến nay không trả dù bà Ngọc T đã đến nhà đòi nhiều lần.

Nay bà Ngọc T yêu cầu bà Nguyễn Thị T và chồng là ông Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 19.390.000đồng (Mười chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản làm việc ngày 22/12/2017 bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận giữa bà và bà Huỳnh Thị Ngọc T có thỏa thuận mua bán cây mít ghép như lời trình bày của bà T trong đơn khởi kiện ngày 05/10/2017. Bà thừa nhận hiện nay bà còn thiếu bà T số tiền là 19.390.000đồng, bà đồng ý trả số tiền 19.390.000đồng này cho bà T. Bà T trình bày việc làm ăn mua bán cây giống với bà T là nhằm xây dựng kinh tế gia đình.

Tại biên bản làm việc ngày 01/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:

Việc mua bán cây giống giữa bà Huỳnh Thị Ngọc T với bà Nguyễn Thị T thì ông không biết, ông cũng không có ý kiến gì về việc này, ông giao cho bà Ngọc T được trọn quyền quyết định việc tranh chấp với bà T, ý kiến và quyết định của bà T cũng là ý kiến và quyết định của ông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, 439 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bà Ngọc T, ông T là phù hợp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản làm việc ngày 22/12/2017 bà T thừa nhận bà và bà Ngọc T có hợp đồng mua bán cây mít ghép, đồng thời bà T cũng thừa nhận bà còn nợ bà Ngọc T số tiền 19.390.000đồng. Đây được xác định là tình tiết không phải chứng minh theo quy

định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu của bà T là có cơ sở nên được xem xét chấp nhận. Bà Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền còn nợ là 19.390.000đồng. Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy việc bà T mua bán với bà T là để tạo nguồn thu nhập nhằm xây dựng kinh tế gia đình, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông T. Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Trần Văn T(chồng bà T) phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả số tiền 19.390.000đồng cho bà T.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 969.500 đồng. Do yêu cầu của bà Ngọc T được chấp nhận nên bà T và ông T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 357, 430, 439, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc T đối với bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền 19.390.000đồng (Mười chín triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Ngọc T không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T phải có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 969.500 đồng(Chín trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 485.000đ (Bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0023829 ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre.

3/. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị T và ông Trần Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục T.H.A DS huyện CL;
- Lưu HSVA+VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Văn Phận